

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2022

*Về việc “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Lê Hữu Thủy

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí, cư trú tại thị trấn Triệu Sơn

2, Bà Đào Thị Hiền

Nghề nghiệp: Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Triệu Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 160/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Phan Trắc L, sinh năm 1985

Đều cư trú tại: Thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn chị Phạm Thị H có mặt, bị đơn anh Phan Trắc L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhà chồng tại thôn A, xã B, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2019 vợ chồng và các con chuyển hộ khẩu về thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống đến nay, từ khi vợ chồng chuyển khẩu về xã K, huyện T sinh sống, anh L không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con mà thường tu tập theo đám bạn nghiện lang thang hàng tuần mới về nhà 1 lần, chị và gia đình động viên khuyên nhủ anh L chăm lo làm ăn giúp đỡ vợ con nhưng anh L không nghe mà còn có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm vợ con, hiện tại anh L thường xuyên vắng nhà theo bạn bè sử dụng ma túy thỉnh thoảng mới về thăm nhà một hai hôm rồi lại đi, nay chị H xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị H trình bày, vợ chồng có 2 con chung cháu Phan Trắc H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2011 và cháu Phan Đức A, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ khi vợ chồng chồng ly thân cả hai cháu ở với chị H, anh L không quan tâm hỏi han chăm sóc gì, nay vợ chồng ly hôn, hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, bản thân chị hiện nay làm nghề buôn bán kinh doanh hàng gia dụng tại chợ xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn thu nhập bình quân hàng tháng 8 triệu đồng, có nơi ăn ở ổn định, bố mẹ chị còn trẻ khỏe, ở cùng thôn có điều kiện giúp chị nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị H trình bày vợ chồng tự giải quyết, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Trắc L Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L đều không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến anh L, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương nơi vợ chồng và con chưa thành niên đang cư trú, sinh sống để xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện việc làm, thu nhập của các bên, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con của hai bên, anh L đã được thông báo, tại thời điểm xác minh anh L có mặt tại địa phương nhưng không đến làm việc.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra

thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không hợp tác làm việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị H được ly hôn anh L.

Về con chung: Căn cứ điều kiện thực tế gia đình của mỗi bên, nguyện vọng của con, để ổn định việc học tập, sinh hoạt của các cháu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao chị Phạm Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con. Chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Phạm Thị Hằng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Phan Trắc L, các đương sự đều đang cư trú tại thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án

đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa, cho anh L, mỗi lần tổng đạt cán bộ Tòa án đều giải thích quy định của pháp luật để anh L hiểu biết thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng L đều không đến tòa làm việc cũng không có ý kiến gì nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L, tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phan Trắc L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không tu chí làm ăn mà theo đám bạn hút hít ma túy, không quan tâm đến vợ, con, gia đình, chị và gia đình động viên, khuyên nhủ nhiều lần anh L không nghe mà con có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm vợ con. Lâu nay anh L thường xuyên bỏ nhà đi theo bạn bè tụ tập, sử dụng ma túy nên vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị H xét thấy vợ chồng không còn tình cảm cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án báo hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh Phan Trắc L không đến làm việc cũng không có ý kiến gì, ngày 25/7/2022 Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương nơi vợ chồng và con chưa thành niên đang cư trú, sinh sống để xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, thời điểm xác minh anh L có mặt tại địa phương nhưng không tham gia, thể hiện việc anh L đã bỏ mặc tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị H vẫn thiết tha xin ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh L là có căn cứ phù hợp tình trạng thực tế hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phan Trắc L.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H trình bày vợ chồng có hai con chung cháu Phan Trắc H, sinh ngày 21/10/2011 và cháu Phan Đức A, sinh ngày 10/8/2016, từ khi vợ chồng ly thân cả hai cháu ở với chị H, anh L không quan tâm hỏi han chăm sóc gì, nay vợ chồng ly hôn, hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị H xin tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy vợ chồng có hai con chung, nay ly hôn chị Phạm Thị H có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu trực tiếp nuôi hai con của chị H là có căn cứ. Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án thì thấy hiện nay cả hai cháu con chung của vợ chồng chị H, anh L đều đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, cháu Phan Trắc H hiện đang học lớp 6 trường trung học cơ sở xã K, huyện T, cháu Phan Đức A hiện học trường tiểu học xã K, huyện T, các cháu đều học tập, sinh hoạt, khỏe mạnh bình thường, mọi người đều yêu thương chăm sóc các cháu, chị Phạm Thị H hiện làm nghề buôn bán kinh doanh đồ gia dụng tại chợ dân sinh xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 8.000.000đ, có nơi ăn ở ổn định, bố mẹ chị H ở cùng thôn, còn trẻ khỏe, kinh tế ổn định, có điều kiện giúp chị nuôi con, bản thân anh L không có việc làm ổn định, sống lang thang, không chăm lo đến gia đình nên việc chị Phạm Thị H xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng các con, phù hợp với thực tế, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con của chị Phạm Thị H, giao chị Phạm Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Luyện được quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và nợ: Chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết, anh Phan Trắc Luyện không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phan Trắc L.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của vợ chồng cháu Phan Trắc H, sinh ngày 21/10/2011 và cháu Phan Đức A, sinh ngày 10/8/2016, anh Phan Trắc L không phải cấp dưỡng nuôi con, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con, anh L được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 6584 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Bắc Sơn-An Thị -Hung Yên;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.Tổ HCTP.

Lê Đình Hợp